TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK SONG** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 27/8/2020.
"V/v không công nhận quan hệ vợ chồng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Trọng Sơn.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Minh Hải và bà Võ Thị Mơ.
***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Dương Chí Công – Thẩm tra viên Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020 tại Phòng xử án TAND huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 86/2020/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 7 năm 2020 về việc *"Không công nhận quan hệ vợ chồng"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn D, sinh năm 1968. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: thôn 7, xã N, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: thôn 7, xã N, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/7/2020, trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Lê Văn D trình bày: Ông D và bà Nguyễn Thị T chung sống như vợ chồng từ năm 1993 và không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông D, bà T hay bất đồng quan điểm sống, chửi bới, đánh đập nhau; hiện nay ông D và bà T không còn tình cảm với nhau do đó đề nghị Tòa án xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông D và bà T có 03 con chung: Lê Văn H1, sinh ngày 20/8/1996; Lê Văn H2, sinh ngày 24/02/1998 và Lê Thị H3, sinh ngày 01/7/2000; Hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: Ông Lê Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai tại Tòa án, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà T và ông Lê Văn D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 và không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống bà T và ông D thường xuyên bất

đồng quan điểm sống, chửi bới và đánh đập nhau. Hiện nay bà T cũng không còn tình cảm với ông D và yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông D.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà T và ông D sinh được 03 con chung như ông D đã trình bày; Hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và sự tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn, bị đơn trong vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn; Bị đơn đã chấp hành nghiêm túc quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự và đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên việc xét xử vụ án là đúng theo quy định của pháp luật.

- *Về tố tụng*: Đảm bảo đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng; Về con chung: Các con đã trường thành nên không đề cập giải quyết; Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. *Về tố tụng*: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn D yêu cầu Tòa án giải quyết việc không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Nguyễn Thị T là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc trường hợp không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị T đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn 7, xã N, huyện S nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Quá trình chung sống ông bà thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống; hay chửi bới và đánh đập nhau, hiện nay ông D và bà T đều không còn tình cảm với nhau. Do đó ông D có đơn đề nghị Tòa án không công nhận ông D và bà T là vợ chồng là có cơ sở.

Theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng*

mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…”. Hội đồng xét xử xét thấy giữa ông D và bà T sống chung với nhau nhưng không đăng ký kết hôn; nay cả hai không còn tình cảm và không muốn tiếp tục sống chung với nhau nữa nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, tuyên bố không công nhận ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng.

[3].*Về con chung*: Đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4].*Về tài sản*: Các đương sự không yêu cầu, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5].*Về án phí*: Ông Lê Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các Điều 14, Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn D.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Đã trưởng thành.

3. *Về tài sản*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. *Về án phí*: Ông Lê Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo biên lai số 0001802 ngày 10 tháng 7 năm 2020.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc Tòa án niêm yết bản án lên Tòa án cấp trên yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Nông;*
- *VKSND huyện Đắk Song (02 bản);*
- *Chi cục THADS huyện Đắk Song;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*
-

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊNTÒA

Quách Trọng Sơn